TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 268/2023/DS-PT
Ngày 30-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hụi

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2023/TLPT-DS ngày 09/5/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1525/2023/QĐ-PT ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Duy T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Dương Thị Hòa A, sinh năm 1973

2.2. Chị Trần Hương L, sinh năm 1993

2.3. Chị Trần Thị Phương L1, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà D, Nguyễn Thị T1, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1957.

3.2. Anh Nguyễn Trường D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Trường D: Chị Nguyễn Thị Duy T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Ông Trần Hữu L2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Hữu L2: Bà Dương Thị Hòa A, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L, chị Trần Thị Phương L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/8/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị H có cho vợ chồng ông Trần Hữu L2 và bà Dương Thị Hòa A vay 10 chỉ vàng 24 kara. Ông L2 và bà An hẹn trong vòng 06 tháng sẽ trả, cho mượn không tính lãi. Đến nay đã quá hạn, bà H yêu cầu trả số nợ trên, ông L2, bà A hẹn nhiều lần nhưng không trả, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Cũng từ năm 2015 đến năm 2018, bà A và các chị Hương L, Phương L1 tham gia các dây hụi do bà H làm chủ hụi, cụ thể:

1. Dây hụi 02 triệu đồng, khui ngày 15/8/2015 âl, hụi tổng cộng 25 phần, bà A hốt ngày 15/01/2017 âl, hụi mãn ngày 15/7/2017 âl, hụi bỏ 350.000 đồng, hốt được 45.550.000 đồng, trừ huê hồng 1.000.000 đồng, giao tiền 44.550.000 đồng, bà A còn nợ 07 phần hụi chết, số tiền là 14.000.000 đồng.

2. Dây hụi 500.000 đồng, khui ngày 10/02/2016 âl, hụi tổng cộng 25 phần, bà A hốt ngày 10/3/2016 âl, hụi mãn ngày 10/01/2018 âl, hụi bỏ 190.000 đồng, hốt được 7.630.000 đồng, trừ huê hồng 250.000 đồng, trừ hụi chết 1.685.000 đồng, giao tiền 5.695.000 đồng, bà A còn nợ 17 phần, số tiền là 8.500.000 đồng.

3. Dây hụi 01 triệu đồng, khui ngày 20/5/2016 âl, hụi tổng cộng 21 phần, bà A hốt ngày 20/6/2016 âl, hụi mãn ngày 20/01/2018 âl, hụi bỏ 400.000 đồng, hốt được 12.400.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng, trừ hụi mới 2.200.000 đồng, còn lại 9.700.000 đồng, dây hụi này không nhớ còn nợ hụi chết bao nhiêu.

4. Dây hụi 03 triệu đồng, khui ngày 15/6/2016 âl, hụi tổng cộng 19 phần, hốt

ngày 15/7/2016 âl, hụi mãn 15/12/2017 âl, hụi bỏ 1.000.000 đồng, hốt được 37.000.000 đồng, trừ huê hồng 1.500.000 đồng, giao tiền 35.500.000 đồng, còn nợ 12 phần chưa đóng số tiền là 36.000.000 đồng.

5. Dây hụi 03 triệu đồng, khui ngày 06/9/2016 âl, hụi tổng cộng 22 phần, hốt ngày 06/10/2016 âl, hụi mãn ngày 06/6/2018 âl, hụi bỏ 1.000.000 đồng, hốt được 43.000.000 đồng, trừ huê hồng 1.500.000 đồng, giao tiền 41.500.000 đồng, không nhớ còn nợ hụi chết bao nhiêu.

6. Hụi 01 triệu đồng, khui ngày 10/10/2016 âl, hụi tổng cộng 21 phần, hốt ngày 10/11/2016 âl, hụi mãn ngày 10/6/2018 âl, hụi bỏ 380.000 đồng, hốt được 12.780.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng, trừ 01 phần sống 620.000 đồng, tiền mượn 2.500.000 đồng, 01 phần chết 500.000 đồng còn lại 8.660.000 đồng, còn nợ 15 phần số tiền 15.000.000 đồng.

7. Hụi 01 triệu đồng, khui ngày 10/10/2016 âl, hụi tổng cộng 21 phần, hốt ngày 10/11/2016 âl, hụi mãn ngày 10/6/2018 âl, hụi bỏ 390.000 đồng, hốt được 12.590.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng, trừ hụi thiếu 7.050.000 đồng, còn lại 5.040.000 đồng, còn nợ 15 phần số tiền 15.000.000 đồng.

8. Hụi 03 triệu đồng, khui ngày 30/11/2016 âl, hụi tổng cộng 21 phần, hốt ngày 30/11/2016 âl, hụi mãn ngày 30/7/2018 âl, hụi bỏ 1.000.000 đồng, hốt được 40.000.000 đồng, trừ huê hồng 1.500.000 đồng, còn giao 38.500.000 đồng, còn nợ 15 phần số tiền 45.000.000 đồng.

9. Hụi 500.000 đồng, khui ngày 20/01/2017 âl, hụi tổng cộng 24 phần, hốt ngày 20/4/2017 âl, hụi mãn ngày 20/11/2018 âl, hụi bỏ 180.000 đồng, hốt được 7.900.000 đồng, trừ huê hồng 250.000 đồng, trừ hụi chết 500.000 đồng, còn lại 7.150.000 đồng, còn nợ 19 phần số tiền 9.500.000 đồng.

10. Không nhớ bao nhiêu, khui ngày nào, bao nhiêu phần, ngày hụi mãn, còn nợ bao nhiêu hụi chết.

11. Hụi 01 triệu đồng (có hai dây), khui ngày 20/01/2018 âl, hụi tổng cộng 20 phần, chị Hương L hốt ngày 20/01/2018 âl, hụi mãn ngày 20/8/2019 âl, hụi bỏ 300.000 đồng, hốt được 13.300.000 đồng, trừ huê hồng 1.000.000 đồng, cộng chung 25.600.000 đồng, trừ hụi chết 1.000.000 đồng, tiền chị Hương L mượn 1.600.000 đồng, tiền lời 1.500.000 đồng, còn lại 21.500.000 đồng, còn nợ 19 phần của 02 dây hụi số tiền 38.000.000 đồng.

12. Hụi 02 triệu đồng, khui ngày 20/4/2020 âl, hụi tổng cộng 15 phần, chị Phương L1 hốt ngày 20/4/2020 âl, hụi mãn ngày 20/6/2021 âl, hụi bỏ 600.000 đồng, hốt được 19.600.000 đồng, trừ huê hồng 1.000.000 đồng, trừ hụi chết 4.000.000 đồng, còn lại 14.600.000 đồng, còn nợ 10 phần số tiền 20.000.000 đồng.

13. Hụi 500.000 đồng, khui ngày 25/8/2020 âl, hụi tổng cộng 14 phần, hốt ngày 25/8/2020 âl, hụi mãn ngày 25/9/2021 âl, hụi bỏ 180.000 đồng, hốt được

4.160.000 đồng, trừ huê hồng 250.000 đồng, còn lại 3.910.000 đồng, còn nợ 13 phần số tiền 6.500.000 đồng.

14. Hụi 03 triệu, khui ngày 09/5/2020 âl, hụi tổng cộng 14 phần, chị Phương L1 hốt ngày 09/5/2020 âl, hụi mãn ngày 09/6/2021 âl, hụi bỏ 900.000 đồng, hốt được 27.300.000 đồng, trừ huê hồng 1.300.000 đồng, còn lại 26.000.000 đồng, còn nợ 09 phần số tiền 27.000.000 đồng.

15. Hụi 02 triệu đồng, khui ngày 10/01/2021 âl, hụi tổng cộng 22 phần, hốt ngày 10/01/2021 âl, hụi mãn ngày 10/11/2022 âl, hụi bỏ 620.000 đồng, hốt được 29.600.000 đồng, trừ huê hồng 1.000.000 đồng, trừ hụi sống 1.380.000 đồng, còn lại 27.220.000 đồng, còn nợ 19 phần số tiền 38.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chết của bà A chưa đóng 232.500.000 đồng, chị Hương L chưa đóng 38.000.000 đồng, chị Phương L1 chưa đóng 47.000.000 đồng;

Bà H yêu cầu bà A và ông L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 10 chỉ vàng 24K và số tiền hụi còn nợ 232.500.000 đồng. Đồng thời tính tiền lãi của số tiền hụi các dây số 2, 4, 6, 7 và 8, tổng cộng là 133.000.000đ, mức lãi suất 1,66%, kể từ 12/2016 âl cho đến nay là 72 tháng; Yêu cầu chị Hương L trả cho bà H số tiền hụi là 38.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Yêu cầu chị Phương L1 trả cho bà H số tiền hụi là 47.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với chi phí giám định 3.600.000đ, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Dương Thị Hòa A trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi như nguyên đơn trình bày, trong đó các dây bà tham gia cho bản thân bà gồm có dây số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13 và 15. Còn 04 dây còn lại, bà đóng tiền dùm cho các chị Hương L và Phương L1.

Các phần hụi này đã mãn, bà đã hốt và có đóng hụi chết đầy đủ cho bà H, nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về số vàng: Bà thừa nhận có mượn vàng của bà H, nhưng bà không có nhận vàng mà lấy số vàng này trừ vô tiền hụi chết trước đó. Sau này, bà vô dây hụi khác và hốt để trả lại cho bà H số vàng trên, như vậy bà cũng không còn nợ vàng bà H.

Số tiền hụi và vàng bà chơi và mượn bà H là dùng tiêu xài cá nhân, không cho ông L2 biết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Hương L trình bày:

Chị có tham gia 02 dây hụi của bà H làm chủ:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/01/2018 âl, chị tham gia 02 phần, chị hốt đầu tiên 02 phần hụi này trong ngày 20/01/2018, dây hụi này mãn ngày 20/8/2019 âl, chị có đóng trực tiếp hụi chết cho bà H được 03 - 04 lần, những lần khác chị gửi

tiền cho mẹ chị đóng thay.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 06/8/2017 âl, chị cũng hốt đầu tiên, đóng hụi chết trực tiếp cho bà H được 04 - 05 lần, mỗi lần đóng luôn cho 03 tháng hụi chết, những lần sau thì chị gửi tiền cho mẹ chị đóng thay.

Chị không có tham gia khui hụi trực tiếp của bà H, tiền hốt hụi của các dây hụi thì chị được cấn trừ trực tiếp vào tiền chơi hụi của mẹ chị. Các dây hụi chết thì chị đã đóng tiền hụi chết cho bà H đầy đủ. Chị thừa nhận có ký tên ghi họ tên trong giấy cam kết chơi hụi ngày 25/8/2020 âl.

Bà H yêu cầu chị trả số tiền hụi còn nợ là 38.000.000 đồng, chị không đồng ý. Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của bà H thì chị không có yêu cầu gì đối với mẹ chị về số tiền chị gửi đóng hụi chết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Thị Phương L1 trình bày:

Chị cũng tham gia 02 dây hụi của bà H, theo chứng cứ chị nộp cho Toà án cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/4/2020 âl, chị hốt đầu tiên, chị đóng hụi chết hàng tháng đến ngày 21/10/2020 âl, những lần sau thì chị góp hụi mỗi ngày 100.000 đồng cho bà H cho đến ngày mãn hụi.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 09/5/2020 âl, chị hốt đầu tiên, sau khi hốt xong thì chị góp tiền mỗi ngày cho bà H đến ngày 09/01/2021 âl thì chồng chị đóng tiền trực tiếp cho bà H đến ngày hụi mãn.

Dây hụi trước thì tiền hốt hụi của chị được cấn trừ trực tiếp vào tiền chơi hụi của mẹ chị. Dây hụi sau hốt thì chị không có cấn trừ tiền hụi của mẹ chị mà lấy tiền hốt hụi trực tiếp. Chị thừa nhận chữ viết Q và Trần Thị Phương L1 trong giấy không tiêu đề, không ngày tháng của 02 dây hụi ngày 20/4/2020 âl và ngày 09/5/2020 âl là của chị.

Bà H yêu cầu chị trả số tiền hụi còn nợ là 47.000.000 đồng, chị không đồng ý. Chị đã trả hết tiền hụi cho bà H, nhưng chị không có giấy tờ để chứng minh là đã trả hết cho bà H.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu L2 trình bày: Ông hoàn toàn không biết hợp đồng chơi hụi và vay tài sản của bà H nên không đồng ý chịu trách nhiệm trả.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã áp dụng các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 16 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi,

biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L và chị Trần Thị Phương L1.

Buộc bà Dương Thị Hòa A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 245.827.000đ (Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó gồm 187.500.000đ tiền hụi và 58.327.000đ tiền lãi và 10 chỉ vàng 24K.

Buộc chị Trần Hương L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

Buộc chị Trần Thị Phương L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/3/2023, bị đơn bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Thị Phương L1, chị Trần Hương L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền hụi chết của dây hụi số 13 là 6.500.000 đồng và giá trị của 10 chỉ vàng 24K; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Trần Thị Phương L1 và chị Trần Hương L.

Ngày 31/3/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị Hòa A, ông Trần Hữu L2 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 245.827.000 đồng (tiền nợ hụi 187.500.000 đồng, tiền lãi 58.327.000 đồng) và 10 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữa nguyên nội dung kháng cáo, bà T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Trần Hữu L2 có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Dương Thị Hòa A trả số tiền nợ. Đối với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà H không đồng ý, bà H cho rằng bà chưa từng nói chuyện với anh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, ông S trình bày: Hai chị Hương L và Phương L1 không tham gia chơi hụi nên không có nợ tiền hụi chết, hai chị chỉ là người trả nợ thay cho bà A. Trong quá trình tố tụng, chồng chị L1 là anh Đ có trình bày là có trả tiền thay cho bà A bằng cách đóng hụi chết cho bà H, nhưng vấn đề này không được cấp sơ thẩm đề cập đến, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, bà A đồng ý trả số tiền nợ hụi 6.500.000 đồng, không đồng ý trả 10 chỉ vàng 24K; Chị Hương L và chị Phương L1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ

đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu L2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L, chị Trần Thị Phương L1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L, chị Trần Thị Phương L1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu L2 là bà Dương Thị Hòa A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án phúc thẩm xét xử vắng mặt bà A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà H khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà A, chị Hương L, chị Phương L1 trả tiền nợ hụi do chưa đóng đủ hụi chết. Các bị đơn thừa nhận có tham gia các dây hụi như nguyên đơn trình bày, thừa nhận đã hốt hụi. Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng đã đóng hụi chết đầy đủ cho nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà H còn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L2 có trách nhiệm liên đới cùng với bà A trả nợ hụi và nợ vay là 10 chỉ vàng 24k.

[2.2] Đối với số tiền nợ hụi:

[2.2.1] Căn cứ các giấy giao hụi viết tay do bị đơn cung cấp; lời trình bày của bà H, sự thừa nhận của bà A, chị Hương L, chị Phương L1 về các dây hụi; các giấy mượn hụi, giấy cam kết đóng hụi và Kết luận giám định chữ viết số 160/2022/KL-KTHS ngày 10/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh B, có đủ căn cứ xác định giữa bà H với bà A, chị Hương L và chị Phương L1 có tham gia hợp đồng góp hụi. Trong đó, bà H là chủ hụi, bà A, chị Hương L và chị Phương L1 là hụi viên.

Các bị đơn thừa nhận có tham gia các dây hụi và đã hốt hụi như nguyên đơn trình bày. Sự thừa nhận của các bị đơn là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2005. Từ đó, có căn cứ xác định các bị đơn đã hốt hụi và nhận đủ tiền hụi do bà H giao.

[2.2.2] Các bị đơn cho rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng hụi chết cho nguyên đơn. Tuy nhiên, điều này không được nguyên đơn thừa nhận, các bị đơn

cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Trong trường hợp này, các bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với bà H. Do các bị đơn không cung cấp được chứng cứ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà A, chị Hương L, chị Phương L1 phải trả cho nguyên đơn số tiền hụi lần lượt là 187.500.000 đồng, 38.000.000 đồng và 47.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi: Do các bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hụi chết nên cấp sơ thẩm căn cứ vào thời gian mãn hụi của các dây hụi để xác định thời điểm phát sinh trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của các bị đơn (từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử sơ thẩm) và xác định mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.4] Đối với số tiền vay 10 chỉ vàng 24k: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà A thay đổi yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả 10 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, sự thay đổi này vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, theo đơn kháng cáo ngày 30/3/2023 của bà A, theo đơn bà A đồng ý trả 10 chỉ vàng 24K nên việc thay đổi kháng cáo này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về trách nhiệm liên đới: Mặc dù, bà A và ông L2 sống chung với nhau như vợ chồng và có 02 người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định nên không được công nhận là vợ chồng. Đồng thời, các giao dịch vay, hụi sự giữa bà H với bà A, do bà An t thực hiện, nguyên đơn không chứng minh được ông L2 có cùng tham gia với bà A. Do đó, cấp sơ thẩm không buộc ông L2 có nghĩa vụ liên đới cùng bà A trả nợ vay, nợ hụi là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H, bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L, chị Trần Thị Phương L1 phải chịu án phí theo quy định. Trong đó, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L, chị Trần Thị Phương L1;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 16 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Hương L và Trần Thị Phương L1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hụi.

Buộc bà Dương Thị Hòa A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 245.827.000đ [(Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó gồm 187.500.000đ tiền hụi và 58.327.000đ tiền lãi] và 10 (Mười) chỉ vàng 24K.

Buộc chị Trần Hương L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

Buộc chị Trần Thị Phương L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Dương Thị Hòa A hoàn trả chi phí giám định cho bà Nguyễn Thị H là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thị Hòa A phải chịu 14.996.000đ (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Buộc chị Trần Hương L phải chịu 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc chị Trần Thị Phương L1 phải chịu 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn.

Buộc bà Dương Thị Hòa A, chị Trần Thị Phương L1, chị Trần Hương L mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003641, 0003642, 0003643 cùng ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng